ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3514 /QĐ-UBND	*An Giang, ngày 23 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế xét chọn Danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức xét chọn Danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2676/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Hội đồng xét chọn và Hội đồng thẩm định giúp việc xét chọn Danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh tại Tờ trình số 1328/TTr-TTXTĐTTMDL ngày 03 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xét chọn Danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Trường Đại học Kiên Giang;
- Thuế tỉnh;
- Chi cục Hải quan khu vực XX;
- Báo và PTTH tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP, các đơn vị thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, hvathien "HT".

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Lê Trung Hồ

QUY CHẾ
Xét chọn danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang
(Kèm theo Quyết định số 3514 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định về đối tượng, nguyên tắc, mục đích, ý nghĩa của Danh hiệu; tiêu chí, quy trình xét chọn doanh nghiệp đạt Danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang (sau đây gọi tắt là Danh hiệu doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội), quyền lợi, trách nhiệm của doanh nghiệp được xét chọn, cấp Giấy chứng nhận đạt Danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Nhằm tôn vinh, chứng nhận, khuyến khích doanh nghiệp tuân thủ tốt các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh; xanh hóa sản xuất; có nhiều nghiên cứu và sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường; tăng cường trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và tăng trưởng xanh; hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá, nâng cao tính cạnh tranh, hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Việc xét chọn phải đảm bảo công khai, minh bạch, không phân biệt đối xử; đảm bảo khách quan, trung thực và chính xác của việc xét chọn; các tiêu chuẩn xét chọn phải được thẩm định trong thời gian quy định.

3. Tạo động lực để doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi xanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và quốc tế; góp phần xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh xanh, hiện đại, bền vững và nâng cao hình ảnh, vị thế của của tỉnh An Giang trong thu hút đầu tư.

Điều 3. Đối tượng, nguyên tắc xét chọn

1. Đối tượng tham gia

Các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp vốn đầu tư nước ngoài, có tư cách pháp nhân Việt Nam, tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh có trụ sở chính hoặc có đăng ký chi nhánh hoạt động hợp pháp trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Nguyên tắc xét chọn

a) Doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh liên tục từ đủ 12 (mười hai) tháng tính đến thời điểm đăng ký xét chọn (đối với doanh nghiệp mới).

b) Doanh nghiệp đăng ký tham gia xét chọn phải chấp hành tốt mọi quy định trong sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật trong vòng 03 năm kể từ thời điểm tham gia xét chọn trở về trước.

c) Tự nguyện đăng ký xét chọn, nộp hồ sơ đăng ký tham gia phù hợp với quy định và cam kết thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo duy trì các tiêu chuẩn về môi trường trong suốt thời gian Danh hiệu có giá trị.

Chương II
TIÊU CHÍ, HỒ SƠ, THỦ TỤC XÉT CHỌN

Điều 4. Tiêu chí xét chọn

1. Tiêu chí chung

Các doanh nghiệp tham gia xét chọn khi nộp hồ sơ phải đáp ứng các điều kiện tại Điều 3 Quy chế này và đảm bảo các điều kiện sau:

a) Doanh nghiệp chấp hành tốt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường (căn cứ loại hình doanh nghiệp):

- Có đầy đủ hồ sơ pháp lý về môi trường tùy thuộc quy mô và loại hình doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

- Không bị xử phạt vi phạm trong lĩnh vực môi trường hoặc đã chấp hành quyết định xử phạt, khắc phục hành vi vi phạm theo quy định;

- Có công trình/biện pháp thu gom, xử lý chất thải theo quy định;

- Chất thải rắn, chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao đến các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định;

- Nước thải được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định;

- Quản lý bụi, khí thải theo quy định (nếu có);

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường về thuế, phí, lệ phí (nếu có);

- Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

b) Hoàn thành nghĩa vụ đối với nhà nước (thuế, bảo hiểm).

c) Hiệu quả kinh tế: doanh thu, lợi nhuận đạt hoặc vượt so với năm trước liền kề; hoặc so với kế hoạch đã đề ra.

d) Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; bảo đảm môi trường làm việc an toàn, văn minh.

đ) Thực hiện đầy đủ chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định.

e) Tham gia các hoạt động an sinh xã hội, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa tại địa phương.

g) Có các hoạt động hỗ trợ cộng đồng trong bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

2. Tiêu chí cụ thể

a) Đối với doanh nghiệp sản xuất

- Trình độ công nghệ sản xuất:

+ Mô tả quy trình công nghệ sản xuất (nếu có).

+ Thiết bị, máy móc.

+ Nhân sự.

+ Áp dụng chuyển đổi số trong sản xuất và quản trị.

+ Tổ chức quản lý.

+ Mức độ đầu tư cho Nghiên cứu và Phát triển (R&D) và đổi mới công nghệ trong sản xuất.

- Trình độ công nghệ xử lý chất thải:

+ Nguồn gốc, xuất xứ thiết bị, máy móc, dây chuyền công nghệ.

+ Có khả năng cơ khí hóa, tự động hóa; mở rộng, nâng công suất.

+ Mức độ tiên tiến, ưu việt của công nghệ xử lý chất thải nguy hại.

+ Mức độ phù hợp của các tiêu chuẩn, quy chuẩn sản xuất máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

+ Tính đồng bộ trong dây chuyền công nghệ.

+ Mức độ tự động hóa trong việc vận hành hoạt động của dây chuyền công nghệ.

+ Nhân sự.

+ Quản lý, giám sát, báo cáo định kỳ theo quy định.

- Chuyển đổi xanh và đổi mới công nghệ trong sản xuất: Doanh nghiệp sử dụng năng lượng tái tạo (điện mặt trời, sinh khối, điện gió…); Có hệ thống tuần hoàn năng lượng, tái sử dụng nước hoặc vật liệu; Ứng dụng công nghệ số trong giám sát, quản lý tiêu hao năng lượng, chất thải.

- Áp dụng có hiệu quả các phương pháp trong quá trình sản xuất phù hợp với tiêu chí ESG (sản xuất sạch hơn và tiết kiệm năng lượng, nguyên vật liệu):

+ Phân loại, tái chế, tái sử dụng chất thải phát sinh theo đúng quy định pháp luật.

+ Có giải pháp xử lý khí thải, hạn chế phát thải.

+ Thay thế nguyên liệu đầu vào, sử dụng nguyên vật liệu sản xuất thân thiện với môi trường.

+ Quản lý nhà xưởng tốt.

+ Kiểm soát quy trình sản xuất; cải tiến thiết bị, công đoạn sản xuất.

+ Sử dụng năng lượng hiệu quả, ứng dụng giải pháp tuần hoàn tái sử dụng, tái chế chất thải, nước thải sinh hoạt.

- Được cấp các chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về quản lý môi trường, quản lý chất lượng hoặc các tiêu chuẩn khác tương đương còn hiệu lực tính theo năm xét chọn.

- Sản phẩm:

+ Đổi mới sản phẩm, có tính thân thiện với môi trường.

+ Có sản phẩm đạt tiêu chuẩn cung ứng hệ thống siêu thị trong nước và xuất khẩu.

+ Xây dựng thương hiệu doanh nghiệp, công tác tiếp thị quảng bá thương hiệu.

+ Đẩy mạnh công tác tìm thị trường mới, tăng tỷ lệ hàng xuất khẩu.

+ Có sản phẩm đạt các danh hiệu, giải thưởng, chứng nhận chất lượng, thương hiệu uy tín do cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức có chức năng công nhận trong thời gian 03 năm gần nhất tính đến thời điểm xét chọn.

+ Ưu tiên các sản phẩm đạt các danh hiệu như: Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; sản phẩm OCOP; sản phẩm đạt tiêu chuẩn, chứng nhận về chất lượng, an toàn, môi trường, phát triển bền vững hoặc các giải thưởng uy tín khác phù hợp với ngành nghề sản xuất của doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp thực hiện đầu tư, hỗ trợ các công tác nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường của người lao động; thực hiện các dự án bảo vệ môi trường, tham gia, hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường tại địa phương:

+ Tại đơn vị: xây dựng môi trường cảnh quan; đảm bảo an toàn và định kỳ tổ chức đào tạo nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho người lao động.

+ Tại địa phương: Thực hiện các dự án bảo vệ môi trường, tham gia, hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường trong cộng đồng.

- Chấp hành pháp luật và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với cộng đồng dân cư. Theo đó, doanh nghiệp được xét chọn không để xảy ra các vụ việc phức tạp, kéo dài gây bức xúc trong nhân dân liên quan đến ô nhiễm môi trường, tranh chấp lao động, khiếu nại, tố cáo đông người hoặc các hành vi vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân và người lao động trong thời gian xét chọn.

b) Đối với doanh nghiệp thương mại, dịch vụ, du lịch, bất động sản

- Ưu tiên sử dụng năng lượng tái tạo (điện mặt trời, sinh khối, điện gió…).

- Tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính.

- Chuyển đổi nguyên vật liệu ô nhiễm môi trường thành vật liệu thân thiện môi trường.

- Tuần hoàn, tái chế, tái sử dụng vật liệu, chất thải phát sinh.

- Phát triển bền vững:

+ Định hướng xây dựng các đề án bảo vệ môi trường.

+ Có các giải pháp khả thi để thực hiện các đề án bảo vệ môi trường.

- Áp dụng chuyển đổi số trong quản trị.

- Tổ chức quản lý:

+ Có chiến lược, kế hoạch chuyển đổi sử dụng nguyên vật liệu/ kinh doanh sản phẩm thân thiện môi trường.

+ Xây dựng thương hiệu doanh nghiệp, công tác tiếp thị quảng bá thương hiệu.

+ Đẩy mạnh công tác tìm thị trường mới, tăng phạm vi ảnh hưởng/ tỷ lệ hàng hoá của doanh nghiệp trên thị trường trong nước và quốc tế.

+ Hệ thống quản lý vận hành văn phòng, toà nhà đảm bảo tiết kiệm năng lượng hiệu quả.

+ Có công nghệ kiểm soát quy trình sử dụng năng lượng hiệu quả.

- Ứng dụng công nghệ mới, thân thiện với môi trường trong xây dựng đối với doanh nghiệp bất động sản (nếu có).

- Có sản phẩm, dịch vụ đạt các danh hiệu, giải thưởng, chứng nhận chất lượng, thương hiệu uy tín do cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức nghề nghiệp hoặc tổ chức đánh giá độc lập công nhận trong thời gian 03 năm gần nhất tính đến thời điểm xét chọn.

- Được cấp các chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng, quản lý môi trường, quản lý năng lượng hoặc các chứng nhận liên quan đến sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả còn hiệu lực tại thời điểm xét chọn.

- Doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường tại đơn vị và cộng đồng, nâng cao nhận thức của người lao động; có các dự án bảo vệ môi trường theo ESG:

+ Tại đơn vị: xây dựng môi trường cảnh quan; đảm bảo an toàn và định kỳ tổ chức đào tạo nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho người lao động.

+ Tại địa phương: Thực hiện các dự án bảo vệ môi trường, tham gia, hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường trong cộng đồng.

- Chấp hành pháp luật và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với cộng đồng dân cư. Theo đó, doanh nghiệp được xét chọn không để xảy ra các vụ việc phức tạp, kéo dài gây bức xúc trong nhân dân liên quan đến ô nhiễm môi trường, tranh chấp lao động, khiếu nại, tố cáo đông người hoặc các hành vi vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân và người lao động trong thời gian xét chọn.

Điều 5. Hồ sơ đăng ký xét chọn

Hồ sơ đăng ký bao gồm:

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận

đầu tư;

2. File logo của doanh nghiệp;

3. Bản đăng ký tham gia và bản đăng ký thành tích xét chọn Danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang *(theo mẫu của từng loại hình doanh nghiệp)*;

4. Giấy xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế, bảo hiểm.

5. Bản sao biên lai đóng phí bảo vệ môi trường (nếu có).

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ tại doanh nghiệp có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, hồ sơ pháp lý về môi trường (giấy phép môi trường, đăng ký môi trường có xác nhận của phường, xã) phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

7. Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải các loại.

8. Báo cáo tài chính hoặc Báo cáo kiểm toán.

9. Bản sao các tài liệu, chứng nhận thuyết minh các tiêu chí xét chọn theo yêu cầu của Ban Tổ chức (hợp đồng lao động, quyết định bổ nhiệm, …).

10. Bản sao các chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống bảo vệ môi trường, hệ thống quản lý chất lượng hoặc các tiêu chuẩn khác tương đương.

11. Bản sao các giấy chứng nhận khen thưởng, giải thưởng liên quan đến công tác bảo vệ môi trường (nếu có).

Tất cả các hồ sơ trên có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp, gửi 01 bộ về Ban Tổ chức - Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh (số 54 Cô Bắc, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang); và file điện tử về Tổ Thư ký (bao gồm file scan và file word). Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về những thông tin cung cấp trong hồ sơ.

Điều 6. Quy trình xét chọn

1. Bước 1: Doanh nghiệp đáp ứng điều kiện xét chọn nộp hồ sơ đăng ký tham gia xét chọn.

2. Bước 2: Tổ chức thẩm định hồ sơ theo tiêu chí xét chọn Danh hiệu.

3. Bước 3: Trên cơ sở các tiêu chí xét chọn và ý kiến của các chuyên gia trong Hội đồng thẩm định, Hội đồng xét chọn đánh giá các doanh nghiệp đạt từ 70 điểm trở lên trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận.

4. Bước 4:

a) Tham khảo ý kiến của chính quyền địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở hoặc cơ sở sản xuất chính; đồng thời tham khảo ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên cùng cấp về việc chấp hành pháp luật, thực hiện trách nhiệm xã hội và mối quan hệ với cộng đồng dân cư của doanh nghiệp trước khi trình công nhận Danh hiệu.

b) Truyền thông quảng bá các doanh nghiệp được xét chọn trên các

phương tiện truyền thông đại chúng để lấy ý kiến người tiêu dùng.

5. Bước 5: Ban hành Quyết định công nhận và tổ chức Lễ tôn vinh Danh hiệu.

Chương III
TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH, XÉT CHỌN VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Điều 7. Thời gian tổ chức xét chọn

Việc tổ chức xét chọn Danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang được tổ chức định kỳ 02 lần/năm, bắt đầu từ năm 2026.

Điều 8. Tổ chức thẩm định, xét chọn

1. Hội đồng xét chọn căn cứ kết quả tổng hợp của Tổ thư ký, kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định và các tiêu chí, bảng điểm để xét chọn trên nguyên tắc độc lập, khách quan, công bằng.

2. Doanh nghiệp đạt Danh hiệu "Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang" phải đạt số điểm từ 70 trở lên theo tiêu chí xét chọn.

3. Thống nhất, thông qua và công khai danh sách các doanh nghiệp được đề cử Danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang trên Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh, các phương tiện truyền thông, trang tin điện tử của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh trong vòng 05 ngày kể từ ngày thông báo và giải quyết các ý kiến phản ánh (nếu có).

4. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh là cơ quan thường trực xét chọn Danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lập và phân công nhân sự Hội đồng thẩm định, Hội đồng xét chọn và Tổ thư ký; thực hiện thủ tục, hồ sơ; giải quyết các khiếu nại, phản ánh; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định công nhận Danh hiệu; in Giấy chứng nhận Danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang và phối hợp Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký, ban hành Giấy chứng nhận.

5. Sở Nội vụ tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen cho các doanh nghiệp đạt Danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Công nhận kết quả và trao Giấy chứng nhận

1. Doanh nghiệp được trao Giấy chứng nhận phải đáp ứng các quy định tại Điều 3 và Điều 4 Quy chế này; được Hội đồng thẩm định xem xét, thẩm định, Hội đồng xét chọn chấm điểm và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công nhận.

2. Số lượng doanh nghiệp được trao Giấy chứng nhận mỗi kỳ xét chọn không quá 300 doanh nghiệp.

3. Giấy chứng nhận Danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội có giá trị 03 năm tính từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký Quyết định

công nhận.

Điều 10. Tổ chức trao giải

1. Ủy ban nhân dân tỉnh trao Giấy chứng nhận cho các doanh nghiệp được công nhận.

2. Lễ trao Giấy chứng nhận được tổ chức theo kỳ xét chọn, do Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch đề xuất.

3. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị, hội doanh nghiệp tuyên truyền, thông tin, vận động các doanh nghiệp tham gia, phối hợp thực hiện các hoạt động tuyên truyền về công tác bình chọn, tổ chức tôn vinh và quảng bá cho các doanh nghiệp được trao Giấy chứng nhận.

Chương IV
QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐƯỢC CÔNG NHẬN

Điều 11. Quyền lợi

1. Được tổ chức tôn vinh trang trọng, lễ tôn vinh sẽ được truyền thông trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

2. Được phép thông báo, tuyên truyền, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng, ấn phẩm của doanh nghiệp hoặc các hình thức giới thiệu khác; sử dụng biểu trưng (logo) của Danh hiệu trên các bao bì, nhãn hiệu của sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp.

3. Được ưu tiên giới thiệu tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, phát triển chuỗi cung ứng xanh.

4. Thông tin về các doanh nghiệp đạt Danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang sẽ được công bố trên Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh và các đối tác truyền thông liên kết, các phương tiện truyền thông đại chúng khác.

Điều 12. Trách nhiệm

Trong thời gian doanh nghiệp được công nhận và đã được cấp Giấy chứng nhận, doanh nghiệp phải có trách nhiệm:

1. Đảm bảo trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường, hướng đến mục tiêu tăng trưởng và phát triển bền vững theo các nội dung cam kết tại hồ sơ đăng ký tham gia xét chọn.

2. Chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với thông tin đã đăng ký và cung cấp cho Ban Tổ chức; phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh giải quyết các khiếu nại liên quan đến kết quả xét chọn Danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang của doanh nghiệp (nếu có).

Chương V
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN, BẢO MẬT

Điều 13. Giải quyết khiếu nại

1. Thời hiệu xử lý khiếu nại với doanh nghiệp tham gia xét chọn là 10 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố danh sách doanh nghiệp được xét chọn Danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang.

2. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh có trách nhiệm thụ lý giải quyết khiếu nại liên quan đến kết quả xét chọn trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại.

Điều 14. Trách nhiệm giám sát và đề xuất thu hồi

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh có trách nhiệm:

1. Theo dõi tình hình thực hiện các cam kết và tiêu chí của doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận;

2. Tổng hợp các thông tin phản ánh từ các cơ quan quản lý, báo chí, người dân hoặc doanh nghiệp khác;

3. Tiếp nhận, xem xét thông tin phản ánh, kiến nghị từ nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí và các cơ quan có liên quan trong quá trình theo dõi doanh nghiệp đã được công nhận Danh hiệu.

4. Chủ trì tổ chức đánh giá lại khi cần thiết, và đề xuất Hội đồng xét chọn/Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận trong các trường hợp vi phạm;

5. Cập nhật thông tin thu hồi trên các kênh truyền thông chính thức và báo cáo kết quả về các Sở ngành liên quan.

Điều 15. Thu hồi Giấy chứng nhận

1. Trong trường hợp doanh nghiệp được công nhận bị phát hiện có một trong các dấu hiệu sau tùy theo mức độ mà Ủy ban nhân dân tỉnh có thể xử lý hoặc thu hồi lại Giấy chứng nhận:

a) Không thực hiện các biện pháp khắc phục khi có thông báo cảnh báo về việc vi phạm các quy định pháp luật.

b) Trường hợp doanh nghiệp vi phạm nghiêm trọng các quy định về bảo vệ môi trường, quyền lợi người lao động hoặc trách nhiệm xã hội; để xảy ra các vụ việc gây bức xúc trong nhân dân, ảnh hưởng đến uy tín của Danh hiệu thì xem xét thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định.

c) Có văn bản đề nghị không tiếp tục duy trì theo tiêu chí công nhận Danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang.

d) Doanh nghiệp khai báo không trung thực trong quá trình lập hồ sơ tham gia xét chọn Danh hiệu.

đ) Các doanh nghiệp kể từ thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia xét chọn

Danh hiệu và được Danh hiệu vi phạm các quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín của Danh hiệu.

2. Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận phải nộp về Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Giấy chứng nhận và biểu trưng ngay sau khi nhận quyết định thu hồi có hiệu lực.

Khi giấy chứng nhận không còn hiệu lực hay bị thu hồi, doanh nghiệp phải ngừng sử dụng giấy chứng nhận và logo của Danh hiệu cho mục đích quảng cáo và các công việc có liên quan khác dưới mọi hình thức.

Điều 16. Bảo mật

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh và các đơn vị liên quan có trách nhiệm bảo mật các thông tin về tổ chức và hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tham gia xét chọn.

Chương VI
KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện kế hoạch được sử dụng từ nguồn kinh phí được giao năm 2026 của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh theo Kế hoạch số 221/KH-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; từ nguồn vận động tài trợ và các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

2. Kinh phí tổ chức thẩm định, xét chọn và tôn vinh doanh nghiệp đạt Danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang theo theo Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025, Luật Thi đua khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022 và các quy định có liên quan được sử dụng để chi các nội dung sau:

a) Chi phí xây dựng bộ tiêu chí xét chọn, thang điểm, quy trình xét chọn;

b) Chi phí thuê tư vấn: Đấu thầu, thẩm định giá,...

c) Xây dựng, triển khai Kế hoạch tổ chức xét chọn Danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang;

d) Chi bồi dưỡng Hội đồng xét chọn, Hội đồng thẩm định, Tổ thư ký;

đ) Tổ chức họp báo, họp các hội đồng để thẩm định, xét chọn Danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang;

e) Tổ chức Lễ tôn vinh và trao Danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang;

g) Giấy chứng nhận, biểu trưng cho các doanh nghiệp đạt Danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang;

h) Chi phí cho các hoạt động khác.

3. Mức chi cụ thể được thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công tổ chức xét chọn, triển khai thực hiện tốt Quy chế này.

2. Quy chế này gồm 06 Chương, 17 Điều, là căn cứ, cơ sở để xây dựng thang bảng điểm chi tiết xét chọn Danh hiệu Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Cơ quan thường trực (Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh) để tổng hợp, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ XÉT CHỌN DANH HIỆU DOANH NGHIỆP XANH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI TỈNH AN GIANG NĂM 2026
Áp dụng đối với Doanh nghiệp sản xuất

STT	Tiêu chí	Điểm	Ghi chú
A	**TIÊU CHÍ CHUNG**	**30**	
I	**Chấp hành tốt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường**	**22**	
1	Có đầy đủ hồ sơ pháp lý về môi trường tùy thuộc quy mô và loại hình doanh nghiệp theo quy định hiện hành	2	Diễn giải cụ thể
2	Không bị xử phạt vi phạm trong lĩnh vực môi trường hoặc đã chấp hành quyết định xử phạt, khắc phục hành vi vi phạm	3	
a	Không vi phạm	3	
b	Vi phạm nhưng đã khắc phục	1	
3	Có công trình/biện pháp thu gom, xử lý chất thải	3	
4	Chất thải rắn, chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao đến các đơn vị có chức năng xử lý	3	
5	Nước thải được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	3	
6	Quản lý bụi, khí thải	3	
7	Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường về thuế, phí, lệ phí (nếu có)	2	
8	Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường	2	
II	**Nghĩa vụ đối với Nhà nước đến tháng 9/2025:** thuế, bảo hiểm	**3**	
1	Hoàn thành	3	
2	Chưa hoàn thành	Không xem xét	
III	**Hiệu quả kinh tế**	**5**	
1	Doanh thu đạt hoặc vượt so với năm trước liền kề; hoặc so với kế hoạch	3	
2	Lợi nhuận đạt hoặc vượt so với năm trước liền kề; hoặc so với kế hoạch	2	
B	**TIÊU CHÍ CƠ BẢN**	**70**	
I	**Trình độ công nghệ sản xuất[1]**	**13**	
1	**Mô tả quy trình công nghệ sản xuất (nếu có)**	**1**	
a	Máy móc, thiết bị	**4**	
-	Xuất xứ (là máy móc, thiết bị thuộc công đoạn chủ yếu và đạt tỉ lệ >50%):	2	

[1] Đánh giá theo Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về Hướng dẫn đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất.

STT	Tiêu chí	Điểm	Ghi chú
+	Các nước thuộc G7	2	
+	Các quốc gia, vùng lãnh thổ còn lại	1	
b	Năm sản xuất:	2	
-	Trước 2015	1	
-	Từ 2015 trở về sau	2	
2	**Nhân sự**	**2**	
a	Trình độ đại học chiếm tỷ lệ ≥ 3%	1	
b	Lao động có tay nghề cao (bậc 3 trở lên)[2] chiếm tỷ lệ ≥15%	1	
3	**Áp dụng chuyển đổi số trong sản xuất và quản trị**	**2**	Doanh nghiệp thuyết minh trong bản khai
4	**Tổ chức quản lý**	**2**	
a	Giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất lao động	1	Doanh nghiệp thuyết minh trong bản khai
b	Đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm	1	
5	**Mức độ đầu tư cho Nghiên cứu và Phát triển (R&D) và đổi mới công nghệ trong sản xuất**	**2**	
II	**Trình độ công nghệ xử lý chất thải[3]**	**13**	
1	**Nguồn gốc, xuất xứ thiết bị, máy móc, dây chuyền công nghệ** (là máy móc, thiết bị thuộc công đoạn chủ yếu và đạt tỉ lệ >50%)	2	
a	Các nước thuộc G7	2	
b	Các quốc gia, vùng lãnh thổ còn lại	1	
2	**Có khả năng cơ khí hóa, tự động hóa; mở rộng, nâng công suất**	**1**	Doanh nghiệp thuyết minh trong bản khai
3	**Mức độ tiên tiến, ưu việt của công nghệ xử lý chất thải nguy hại**	**2**	
a	Tái sử dụng	1	Doanh nghiệp thuyết minh trong bản khai
b	Tái chế	1	

[2] Theo Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

[3] Đánh giá theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

STT	Tiêu chí	Điểm	Ghi chú
4	**Mức độ phù hợp của các tiêu chuẩn, quy chuẩn sản xuất máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường**	**2**	
a	Các nước thuộc G7	2	
b	Các quốc gia, vùng lãnh thổ còn lại	1	
5	**Tính đồng bộ trong dây chuyền công nghệ**	**1**	Doanh nghiệp thuyết minh trong bản khai
6	**Mức độ tự động hóa trong việc vận hành hoạt động của dây chuyền công nghệ**	**1**	Doanh nghiệp thuyết minh trong bản khai
7	**Nhân sự**	**2**	
a	Được đào tạo chuyên ngành môi trường	2	Cung cấp hợp đồng lao động/ bảng lương
b	Phân công kiêm nhiệm	1	Quyết định bổ nhiệm
8	**Quản lý, giám sát, báo cáo định kỳ theo quy định**	**2**	Cung cấp mẫu báo cáo đã thực hiện
III	**Chuyển đổi xanh và đổi mới công nghệ trong sản xuất**	**6**	
1	Sử dụng năng lượng tái tạo (điện mặt trời, sinh khối, điện gió,...)	2	
2	Có hệ thống tuần hoàn năng lượng, tái sử dụng nước hoặc vật liệu	2	
3	Ứng dụng công nghệ số trong giám sát, quản lý tiêu hao năng lượng, chất thải	2	
IV	**Áp dụng có hiệu quả các phương pháp trong quá trình sản xuất phù hợp với tiêu chí ESG**	**15**	
1	Phân loại, tái chế, tái sử dụng, tái sinh chất thải, nước thải phát sinh	3	
2	Có giải pháp xử lý khí thải, hạn chế phát thải	3	
3	Thay thế nguyên liệu đầu vào, sử dụng nguyên vật liệu sản xuất thân thiện với môi trường	3	
4	Quản lý nhà xưởng tốt	2	
5	Kiểm soát quy trình sản xuất, cải tiến thiết bị, công đoạn sản xuất	2	
6	Sử dụng năng lượng hiệu quả: ứng dụng giải pháp tuần hoàn, giảm phát thải năng lượng	2	

STT	Tiêu chí	Điểm	Ghi chú
V	**Được cấp các chứng nhận tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, quản lý chất lượng hoặc các tiêu chuẩn khác tương đương** (ESG, ISO 9001, 14001; VIETGAP; GLOBALGAP, ORGANIC; 5S, HACCP, GMP,...) còn hiệu lực tính theo năm xét chọn	**5**	Đính kèm các chứng nhận
VI	**Sản phẩm**	**12**	
1	Đổi mới sản phẩm, có tính thân thiện với môi trường	3	Doanh nghiệp thuyết minh trong bản khai
2	Có sản phẩm đạt tiêu chuẩn cung ứng hệ thống siêu thị trong nước và xuất khẩu (xuất xứ địa lý, QR code, mã vạch,...)	3	
c	Xây dựng thương hiệu doanh nghiệp, công tác tiếp thị quảng bá thương hiệu	2	
3	Đẩy mạnh công tác tìm thị trường mới, tăng tỷ lệ hàng xuất khẩu	2	
4	- Có sản phẩm đạt các danh hiệu, giải thưởng, chứng nhận chất lượng, thương hiệu uy tín do cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức có chức năng công nhận trong thời gian 03 năm gần nhất tính đến thời điểm xét chọn. - Ưu tiên các sản phẩm đạt các danh hiệu như: Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; sản phẩm OCOP; sản phẩm đạt tiêu chuẩn, chứng nhận về chất lượng, an toàn, môi trường, phát triển bền vững hoặc các giải thưởng uy tín khác phù hợp với ngành nghề sản xuất của doanh nghiệp.	2	
VII	**Doanh nghiệp có đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường tại đơn vị và cộng đồng, nâng cao nhận thức của người lao động; có các dự án bảo vệ môi trường theo ESG** (liệt kê các hình thức khen thưởng, chứng nhận, hình ảnh)	**6**	
1	Tại đơn vị: Xây dựng môi trường cảnh quan; đảm bảo an toàn và định kỳ tổ chức đào tạo nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho người lao động	3	Doanh nghiệp thuyết minh trong bản khai
2	Tác động đối với cộng đồng thông qua chương trình hướng đến trách nhiệm xã hội (hưởng ứng Ngày vì môi trường, phối hợp với địa phương vệ sinh cảnh quan,...)	3	
	TỔNG ĐIỂM (I+II)	**100**	

THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ XÉT CHỌN DANH HIỆU DOANH NGHIỆP XANH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI TỈNH AN GIANG NĂM 2026
Áp dụng đối với Doanh nghiệp thương mại, dịch vụ, du lịch, bất động sản

STT	Tiêu chí	Điểm	Ghi chú
A	**TIÊU CHÍ CHUNG**	**30**	
I	**Chấp hành tốt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường**	**22**	
1	Có đầy đủ hồ sơ pháp lý về môi trường tùy thuộc quy mô và loại hình doanh nghiệp theo quy định hiện hành	2	Diễn giải cụ thể
2	Không bị xử phạt vi phạm trong lĩnh vực môi trường hoặc đã chấp hành quyết định xử phạt, khắc phục hành vi vi phạm	3	
a	Không vi phạm	3	
b	Vi phạm nhưng đã khắc phục	1	
3	Có công trình/biện pháp thu gom, xử lý chất thải	3	
4	Chất thải rắn, chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao đến các đơn vị có chức năng xử lý	3	
5	Nước thải được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	3	
6	Quản lý bụi, khí thải	3	
7	Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường về thuế, phí, lệ phí (nếu có)	2	
8	Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường	2	
II	**Nghĩa vụ đối với Nhà nước đến tháng 9/2025:** Thuế, bảo hiểm	**3**	
1	Hoàn thành	3	
2	Chưa hoàn thành	Không xem xét	
III	**Hiệu quả kinh tế**	**5**	
1	Doanh thu đạt hoặc vượt so với năm trước liền kề; hoặc so với kế hoạch	3	
2	Lợi nhuận đạt hoặc vượt so với năm trước liền kề; hoặc so với kế hoạch	2	
B	**TIÊU CHÍ CƠ BẢN**	**70**	
I	**Ưu tiên sử dụng năng lượng tái tạo** (điện mặt trời, sinh khối, điện gió,...)	**5**	
II	**Tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính**	**5**	Doanh nghiệp thuyết minh trong bản khai
III	**Chuyển đổi nguyên vật liệu ô nhiễm môi trường thành vật liệu thân thiện môi trường**	**10**	
IV	**Tuần hoàn, tái chế, tái sử dụng vật liệu, chất thải phát sinh**	**5**	

STT	Tiêu chí	Điểm	Ghi chú
IV	**Phát triển bền vững**	**5**	
1	Định hướng xây dựng các đề án bảo vệ môi trường	3	
2	Có các giải pháp khả thi để thực hiện các đề án bảo vệ môi trường	2	
VI	**Áp dụng chuyển đổi số trong quản trị**	**2**	
VII	**Tổ chức quản lý**	**22**	
1	Có chiến lược, kế hoạch chuyển đổi sử dụng nguyên vật liệu/ kinh doanh sản phẩm thân thiện môi trường	5	
2	Xây dựng thương hiệu doanh nghiệp, công tác tiếp thị quảng bá thương hiệu	4	
3	Đẩy mạnh công tác tìm thị trường mới, tăng phạm vi ảnh hưởng/ tỷ lệ hàng hóa của doanh nghiệp trên thị trường trong nước và quốc tế	4	
4	Hệ thống quản lý vận hành văn phòng, tòa nhà đảm bảo tiết kiệm năng lượng hiệu quả	5	
5	Có công nghệ kiểm soát quy trình sử dụng năng lượng hiệu quả	4	
VIII	**Ứng dụng công nghệ mới, thân thiện với môi trường trong xây dựng đối với doanh nghiệp bất động sản** (nếu có)	**3**	
IX	**Có sản phẩm, dịch vụ đạt các danh hiệu, giải thưởng, chứng nhận chất lượng, thương hiệu uy tín do cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức nghề nghiệp hoặc tổ chức đánh giá độc lập công nhận trong thời gian 03 năm gần nhất tính đến thời điểm xét chọn.**	**2**	
X	**Được cấp các chứng nhận tiêu chuẩn quản lý chất lượng, môi trường, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng hiệu quả,...** (ESG, ISO 9001, 14001, 5S,...) còn hiệu lực tính theo năm xét chọn	**5**	Đính kèm các chứng nhận
XI	**Doanh nghiệp có đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường tại đơn vị và cộng đồng, nâng cao nhận thức của người lao động; có các dự án bảo vệ môi trường theo ESG** (liệt kê các hình thức khen thưởng, chứng nhận, hình ảnh,...)	**6**	
1	Tại đơn vị: xây dựng môi trường cảnh quan; đảm bảo an toàn và định kỳ tổ chức đào tạo nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho người lao động	3	Doanh nghiệp thuyết minh trong bản khai
2	Tác động đối với cộng đồng thông qua chương trình hướng đến trách nhiệm xã hội (Hưởng ứng Ngày vì môi trường, phối hợp với địa phương vệ sinh cảnh quan,...)	3	
	TỔNG ĐIỂM (I+II)	**100**	